

Bản án số: 78/2021/HS-ST
Ngày 20-12-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đình Rồng

Bà Phạm Thị Bích Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Diệu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn T**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1991 tại huyện Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn T và bà Đoàn Thị L; Vợ con: Chưa có.

- Tiền sự: không.

- Tiền án: 02.

Tại Bản án số 23/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong bản án ngày 26/11/2017;

Tại Bản án số 07/2019/HSST ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh T Quang xử phạt 30 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2021, lần phạm tội này là *Tái phạm nguy hiểm*.

-Nhân thân: Tại Bản án số 58/2011 ngày 30/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 9 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*, chấp hành xong án bản án ngày 16/02/2012.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công. (Có mặt)

- *Người bị hại:* Chị Vũ Thị M, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ dân phố Sau, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1987; Trú tại: Xóm T, xã T thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1987; Trú tại: Tổ 10, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; Trú tại: Khu tập thể nhà máy Z131, Tổ dân phố Đại Thịnh, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/7/2021 Nông Văn T đến quán ăn nhà chị Vũ Thị M ở Tổ dân phố (TDP) Sau, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên để ăn cơm, trong quá trình ngồi ăn cơm tại quán thì T nhìn thấy trong tủ kính của nhà chị M có 02 chiếc điện thoại (01 chiếc nhãn hiệu Iphone Xs Max có ốp nhựa màu đỏ và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 màu tím), thấy quán vắng không có ai, chị M cũng không có mặt ở đó, quan sát xác định không có người nên T đã trộm cắp lấy 02 chiếc điện thoại nêu trên của chị M rồi phóng xe mô tô đến khu vực Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình chơi, đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T về phòng trọ tại TDP Sau, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công lấy 02 chiếc điện thoại trộm cắp ra kiểm tra thì thấy trong ốp nhựa chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs Max có 01 chiếc thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Thị M; 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng. T lấy thẻ căn cước, 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và tháo sim của 02 chiếc điện thoại cất giấu vào túi cá nhân của mình; còn chiếc ốp nhựa màu đỏ T lắp vào điện thoại nhãn hiệu Vivo để sử dụng đến ngày 10/7/2021 T mang chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs Max đến bán cho anh Đỗ Đình Tứ (SN 1987, địa chỉ: xóm Trại, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên) được 2.200.000 đồng đến ngày 14/7/2021 T mang chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 đến bán cho Nguyễn Đức Tuấn (SN 1987, Trú quán: Tổ 10, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) được 800.000 đồng. Số tiền bán điện thoại nêu trên T đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết. Đối với số sim điện thoại số 0975305828 của chị M, T lắp vào chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 của T để sử dụng.

Đối với chị Vũ Thị M sau khi phát hiện bị mất trộm 02 chiếc điện thoại trên, đã có đơn trình báo đến Công an phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường Lương Sơn đã thu thập được hình ảnh camera giám sát tại nhà chị Vũ Thị M, xác định hình ảnh người trộm cắp, ngày 19/7/2021, Công an phường Lương Sơn triệu tập Nông Văn T đến làm việc T đã tự nguyện khai nhận hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động và một số tài sản khác vào tối ngày 03/7/2021 của chị Vũ Thị M, đồng thời Công an phường Lương Sơn thu giữ tài sản đồ vật T gồm: 01 CMND mang tên Nông Văn T; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Thị M; 04 thẻ ATM ngân hàng trong đó (có 03 thẻ mang tên Vũ Duy Hùng, 01 thẻ mang tên Nông Văn T); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, màu đỏ BKS 20F1-258.23; 03 chiếc điện thoại di động trong đó (01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màu đen, 02 chiếc điện thoại NOKIA 1280; 08 chiếc sim điện thoại các loại; 01 thanh kim loại màu đen dài 8cm, có một đầu nhọn; 02 cơ lê bằng kim loại KT 10x25cm; 01 chiếc kéo dài 22cm; 01 tua vít dài 20cm có tay cầm màu đỏ. Cùng ngày Công an phường Lương Sơn đã chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra ngày 20/7/2021 Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công thu giữ tại cửa hàng điện thoại của Đỗ Đình Tứ 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max mà Tứ mua với T ngày 10/7/2021. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 ngày 14/7/2021 T bán cho Nguyễn Đức Tuấn với giá 800.000 đồng, anh Tuấn đã bán lại cho người khác và không biết địa chỉ cụ thể người mua ở đâu nên không thu hồi được; Nông Văn T giao nộp 10.000đ tiền VNĐ mà chị M để trong ốp điện thoại di động Iphone Xs Max.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá 02 chiếc điện thoại Nông Văn T đã trộm cắp của Vũ Thị M. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 22/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận: *01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen, bản quốc tế, loại 64Gb (đã qua sử dụng) trị giá là 10.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu tím (đã qua sử dụng) trị giá là 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng chẵn).*

Quá trình điều tra Nông Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của T phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng, chứng cứ của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Vũ Thị M 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max; 01 thẻ căn cước công dân số 036183004294; 01 chiếc ốp nhựa điện thoại màu đỏ; 03 sim điện thoại (các loại) và số tiền 10.000đ để quản lý, sử dụng.

Đối với 01 bì niêm phong mã số NS22003555 chứa 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0985567534, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen (nắp pin màu xanh), không có pin, 01 thẻ rút tiền ngân hàng mang tên NONG VAN TUYEN; 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kích thước (10x25) cm; 01 chiếc kéo dài 22cm có ốp tay cầm màu xanh, 01 tuốc nơ vít dài 20cm, có tay cầm màu đỏ và 01 thanh kim loại dài 8cm, có một đầu nhọn; Sim Vinaphone có số 898402000011153836000; Sim Viettel có số 898048000072709091; Sim Viettel có số 8984048000017212659; Sim không rõ mạng di động có số 8401201124347887; Sim không có mạng di động có số 8984081008722480080; Sim mạng Itelecom có số 8984081008703990537. Hiện những vật chứng trên đang được chuyển và bảo quản tại kho vật chứng Công an thành phố Sông Công.

Đối với 01 bì niêm phong, mã số PS3 2007126 chứa đĩa DVD lưu dữ liệu hình ảnh video liên quan đến vụ án và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nông Văn T được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 03 thẻ ATM ngân hàng mang tên Vũ Duy Hùng (SN 1993, trú tại: Thôn Bản Điển, xã Trung Bình, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, qua xác minh anh Hùng không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: chị Vũ Thị M yêu cầu bị cáo Nông Văn T bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng; anh Đỗ Đình Tứ yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 2.200.000 đồng, đến nay T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSSC ngày 26/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: T bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng: khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nông Văn T mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn hình

phạt bổ sung cho bị cáo.

***Về vật chứng:**

-Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kích thước (10x25) cm; 01 chiếc kéo dài 22cm có ốp tay cầm màu xanh, 01 tuốc nơ vít dài 20cm, có tay cầm màu đỏ và 01 thanh kim loại dài 8cm, có một đầu nhọn; Sim Vinaphone có số 898402000011153836000; Sim Viettel có số 898048000072709091; Sim Viettel có số 8984048000017212659; Sim không rõ mạng di động có số 8401201124347887; Sim không có mạng di động có số 8984081008722480080; Sim mạng Itelecom có số 8984081008703990537.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0985567534, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen (nắp pin màu xanh), không có pin đều đã qua sử dụng được đựng trong 01(một) bì niêm phong mã số NS2 2003555; 01 thẻ rút tiền Ngân hàng BIDV mang tên NONG VAN TUYEN số 970418000002324 1661, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị M rút yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh T số tiền 2.200.000 đồng. Truy thu số tiền 800.000 đồng của bị cáo T sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nông Văn T không tranh luận, thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình đúng như Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố, bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật

chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/7/2021, tại TDP Sau, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Nông Văn T (có 02 tiền án) đã trộm cắp 02 chiếc điện thoại (01 Iphone Xs Max; 01 chiếc điện thoại OPPO F9, các điện thoại có gắn sim điện thoại); tiền VNĐ 10.000đ và 01 thẻ căn cước công của chị Vũ Thị M. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là **12.010.000 đồng** (*mười hai triệu không trăm mười nghìn đồng*).

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nông Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Người nào thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

g) Tái phạm nguyên hiềm...”

Trong vụ án này, có Đỗ Đình Tứ và Nguyễn Đức Tuấn mua tài sản do bị cáo T trộm cắp, anh Tứ và Tuấn không biết những tài sản T đem bán là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm.

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

3.2. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo sinh ra, lớn lên tại địa phương, có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần vi phạm pháp luật và đã nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang có 02 tiền án: Năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh T Quang xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/02/2021 chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là Tái phạm

nguy hiểm, về nhân thân: Tại Bản án số 58/2011 ngày 30/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, nên cần phải xét xử bị cáo bằng án phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử mức án phạt tù phù hợp.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo không có thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Vũ Thị M rút yêu cầu bị cáo Nông Văn T bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Đình Tứ yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 2.200.000 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh Tứ số tiền này, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0985567534, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen (nắp pin màu xanh), không có pin, 01 thẻ rút tiền ngân hàng mang tên NONG VAN TUYEN là tài sản hợp pháp của T không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kích thước (10x25) cm; 01 chiếc kéo dài 22cm có ốp tay cầm màu xanh, 01 tuốc nơ vít dài 20cm, có tay cầm màu đỏ và 01 thanh kim loại dài 8cm, có một đầu nhọn; Sim Vinaphone có số 898402000011153836000; Sim Viettel có số 898048000072709091; Sim Viettel có số 8984048000017212659; Sim không rõ mạng di động có số 8401201124347887; Sim không có mạng di động có số 8984081008722480080; Sim mạng Itelecom có số 8984081008703990537 là công cụ phương tiện để T sử dụng đi trộm cắp và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ, gắn biển kiểm soát 20F1 – 25823 là tài sản bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Văn Huấn, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Huấn là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Các Điều 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí, Lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

1.1. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn T **42 (Bốn Mươi hai)** tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

* Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nông Văn T 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày T án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo T.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc cờ lê bằng kim loại kích thước (10x25) cm; 01 chiếc kéo dài 22cm có ốp tay cầm màu xanh, 01 tuốc nơ vít dài 20cm, có tay cầm màu đỏ và 01 thanh kim loại dài 8cm, có một đầu nhọn; Sim Vinaphone có số 898402000011153836000; Sim Viettel có số 898048000072709091; Sim Viettel có số 8984048000017212659; Sim không rõ mạng di động có số 8401201124347887; Sim không có mạng di động có số 8984081008722480080; Sim mạng Itelecom có số 8984081008703990537.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0985567534, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đỏ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen (nắp pin màu xanh), không có pin đều đã qua sử dụng được đựng trong 01 (một) bì niêm phong mã số NS2 2003555; 01 thẻ rút tiền Ngân hàng BIDV mang tên NONG VAN TUYEN số 970418000002324 1661, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/12/2021 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và anh Đỗ Đình Tứ. Bị cáo Nông Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đỗ Đình Tứ số tiền 2.200.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luậtanh Đỗ Đình Túc có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo T chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Nông Văn T, có mặt bị hại Vũ Thị M, có mặt anh Đỗ Đình Tứ; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức Tuấn và anh Nguyễn Văn Huân.

Báo cho bị cáo T, anh Tứ, chị M biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huân và anh Tuấn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND SC; Công an SC;
- VKSND tỉnh TN;
- THA Hình sự, dân sự;
- Bị cáo, Bị hại; NLQ
- UBND Quận Chu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bình